

Số: /KH-BCĐ

An Giang, ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026**  
**trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh An Giang;

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD - XMC) trên địa bàn tỉnh; bảo đảm thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đảm bảo mọi người dân trong độ tuổi quy định được tiếp cận giáo dục, đặc biệt quan tâm đến các đối tượng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện công bằng trong giáo dục.

Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, chống tái mù chữ, từng bước nâng cao trình độ học vấn cho người dân, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo; nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trong công tác xây dựng xã hội học tập nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra trong chương trình, kế hoạch năm, giai đoạn của tỉnh liên quan đến PCGD - XMC.

### **2. Yêu cầu**

Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về học tập thường xuyên, học tập suốt đời; tổ chức vận động người dân lớn tuổi chưa biết chữ tham gia các lớp XMC nhằm nâng cao tỷ lệ và chất lượng XMC trên địa bàn tỉnh An Giang.

Thực hiện quản lý số liệu, công tác kiểm tra và công nhận kết quả PCGD - XMC trên hệ thống số (thay thế hồ sơ giấy) theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD - XMC.

Tiếp tục đổi mới các biện pháp thực hiện, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý PCGD - XMC, cách thức kiểm tra trên phần mềm, duy trì kết quả và nâng cao chất lượng PCGD - XMC năm 2026 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục đề ra các giải pháp khả thi đảm bảo duy trì bền vững và nâng cao chất lượng PCGD các cấp học; duy trì, nâng cao chất lượng XMC.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành với ngành giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ PCGD - XMC. Tập trung mọi nguồn lực, huy động sự vào cuộc cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu về PCGD - XMC và xây dựng xã hội học tập đã đề ra trong kế hoạch.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ 3, 4 và 5 tuổi; PCGD tiểu học mức độ 3; PCGD THCS mức độ 2 và XMC mức độ 2.

Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên đảm bảo số lượng, chất lượng đáp ứng các điều kiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT.

Tiếp tục quan tâm xây dựng, phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên để tạo cơ hội và điều kiện cho mọi người được học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời góp phần nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 - 5 tuổi**

- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi phần đầu đạt từ 78% trở lên.
- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp phần đầu đạt từ 99,7% trở lên.
- Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non tối thiểu đạt 99%.
- 102/102 xã, phường, đặc khu đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi.
- Tỉnh An Giang đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi.

### **b) Phổ cập giáo dục tiểu học**

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi đến trường đạt từ 99,98% trở lên.
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 94,82%.
- 102/102 xã, phường, đặc khu đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.
- Tỉnh An Giang đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

### **c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở**

- Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp THCS: Đạt từ 94,8% trở lên.
- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đang học trung học phổ thông (THPT), giáo dục thường xuyên (GDTX): Đạt ít nhất 84%.
- Tỷ lệ trẻ từ 11 - 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: Đạt tối thiểu 98%.
- 102/102 xã, phường, đặc khu đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 và phần đầu nâng tỷ lệ đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.
- Tỉnh An Giang đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

### **d) Xóa mù chữ**

- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi được công nhận biết chữ mức độ 1: Đạt từ 97% trở lên.
- Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi được công nhận biết chữ mức độ 2: Đạt ít nhất 95%.
- 102/102 xã, phường, đặc khu đạt chuẩn XMC mức độ 2.
- Tỉnh An Giang đạt chuẩn XMC mức độ 2.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao nhận

thức của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Thực hiện lồng ghép thường xuyên công tác kiểm tra việc triển khai Kế hoạch PCGD - XMC với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục quán triệt và triển khai Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các cấp; phân công rõ vai trò, trách nhiệm đối với từng Sở, Ban, ngành. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch PCGD - XMC của các cơ quan, đơn vị, công tác phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với các sở, ban, ngành và các tổ chức có liên quan trong công tác PCGD - XMC.

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu tiếp tục quan tâm chỉ đạo:

- Đối với công tác PCGD mầm non: Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng mạng lưới trường lớp, đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung biên chế giáo viên mầm non; tuyên truyền vận động người dân đưa trẻ 3 - 4 tuổi đến trường đạt chỉ tiêu theo quy định; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ và thực hiện PCGD mầm non cho trẻ mẫu giáo 3 và 4 tuổi.

- Đối với công tác PCGD tiểu học: Huy động tối đa trẻ 6 tuổi vào lớp 1; duy trì không có học sinh tiểu học bỏ học.

- Đối với công tác PCGD THCS: Nâng tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi tốt nghiệp THCS học THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp; xây dựng lộ trình cụ thể đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3, đạt 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn.

- Đối với công tác XMC: Chỉ đạo việc tăng cường mở các lớp XMC, nhất là các địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng lộ trình cụ thể đạt chuẩn XMC mức độ 2, đạt 100% đơn vị cấp xã đạt chuẩn.

## **2. Công tác tuyên truyền về PCGD - XMC**

Tăng cường truyền thông giáo dục, chủ động cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách mới; phối hợp xử lý hiệu quả các vấn đề xã hội quan tâm nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân đối với ngành giáo dục.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và cộng đồng về vai trò của PCGD - XMC trong phát triển nguồn nhân lực; đưa các chỉ tiêu PCGD - XMC vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, huy động sự tham gia của các sở, ban, ngành, phụ huynh và cộng đồng; tổ chức hiệu quả “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Các cơ quan báo chí, cổng thông tin điện tử và hệ thống truyền thông địa phương tăng cường tuyên truyền về công tác PCGD - XMC.

### **3. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên**

Tổ chức tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non; tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”. Cùng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 - 5 tuổi; tăng cường quản lý, hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các nhóm, lớp độc lập tự thực.

Triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018; tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thực hiện các giải pháp thúc đẩy giáo dục toàn diện. Đồng thời, định hướng tốt công tác tuyển sinh vào lớp 10, tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Chương trình GDPT 2018; tăng cường tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức dạy học; sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy và học.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT 2018, nhất là về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng nâng cao tính chủ động, linh hoạt của cơ sở giáo dục và phát huy năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên. Đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức liên quan tại địa phương trong triển khai kế hoạch giáo dục. Thực hiện đúng quy định về lựa chọn, cung cấp và sử dụng sách giáo khoa; quan tâm trang bị sách tại thư viện, huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT; đa dạng hóa các loại hình, chương trình giáo dục trong các cơ sở GDTX; đẩy mạnh học tập thường xuyên, học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng khó khăn và các đối tượng chính sách; phát triển giáo dục hòa nhập nhằm bảo đảm quyền học tập cho người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

### **4. Tăng cường đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị trường học**

Tiếp tục quan tâm bổ sung thêm đội ngũ giáo viên đối với từng cấp học, bố trí, sắp xếp hợp lý giáo viên hiện có giữa các trường trong đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học và thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc của các đơn vị trực thuộc trên cơ sở quy mô số lớp của trường, xác định số lượng viên chức của các vị trí thừa, thiếu. Tham mưu phương thức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục năm 2026, bố trí đủ giáo viên dạy Ngoại ngữ và Tin học triển khai Chương trình GDPT 2018. Triển khai thực hiện công tác đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên mầm non, tiểu học, THCS; tổ chức bồi dưỡng giáo

viên dạy THCS môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử và Địa lý. Rà soát, thực hiện tốt quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, đạt chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu của việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018; nâng cao năng lực giáo viên tham gia công tác tư vấn tâm lý, giáo viên chủ nhiệm, tổ chức Đoàn, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tiếp tục rà soát, bố trí, sắp xếp cân đối, hợp lý đội ngũ giáo viên, nhân viên theo tình hình thực tế địa phương, đảm bảo các hoạt động dạy học của các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình đã được phê duyệt, đẩy mạnh đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hóa trường, lớp học nhằm củng cố và phát triển mạng lưới, mô hình trường học đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục; đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, giáo viên theo Điều lệ của từng cấp học.

Căn cứ danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, rà soát và phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách địa phương theo đúng quy định của pháp luật để mua sắm, cấp thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học (bao gồm mua sắm, bổ sung các thiết bị còn thiếu, thay thế các thiết bị đã cũ hoặc không còn phù hợp nhằm phục vụ tốt cho các hoạt động dạy và học).

### **5. Củng cố mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên, các trung tâm, các đơn vị liên quan**

Củng cố, kiện toàn bộ máy hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, có phương án phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) - Giáo dục thường xuyên tổ chức các loại hình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tuyên truyền pháp luật, chuyển giao kiến thức khoa học - kỹ thuật, mở lớp bồi dưỡng trình độ Tin học, Ngoại ngữ góp phần tích cực trong việc thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra và xây dựng nông thôn mới tại các địa phương. Đa dạng hóa nội dung, hình thức học tập với thời gian phù hợp nhằm tạo điều kiện để đông đảo người dân tham gia các nội dung học tập tại Trung tâm học tập cộng đồng. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp tại địa phương làm tốt công tác xã hội hóa để xây dựng và phát triển các hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

Phát huy hiệu quả vai trò của Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm GDNN - GDTX để thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề kết hợp với dạy văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông, tổ chức đào tạo nghề cho người lao động.

Củng cố, phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ sở thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa xã, phường, đặc khu tổ chức các sự kiện liên quan đến học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

## **6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, dạy nghề**

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý chuyên môn, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, chỉ đạo các trường tăng cường đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề nhằm tìm ra phương pháp dạy học phù hợp với học sinh ở từng địa phương. Tổ chức các lớp học nghề truyền thống, nghề ngắn hạn cho những người mới biết chữ; tăng cường tổ chức các lớp học chuyên đề nghề nghiệp, kiến thức phổ thông, kỹ năng sống... tại các Trung tâm học tập cộng đồng. Tiếp tục quan tâm triển khai xây dựng trường học gắn với thực tiễn, đặc biệt đối với trường phổ thông dân tộc nội trú.

Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong trường phổ thông, các trường dạy nghề, chuyên nghiệp theo hướng thực chất. Giáo dục cho học sinh, học viên tinh thần tự học, tự nghiên cứu để việc học tập suốt đời có hiệu quả hơn. Đẩy mạnh hình thức học tập từ xa, qua mạng internet và học trực tuyến, giúp người học mọi nơi, mọi lúc.

Các cơ sở giáo dục triển khai nghiêm túc việc cam kết và bàn giao chất lượng giữa các cấp học. Đối với việc mở và nghiệm thu các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và GDTX cấp THCS phải thực hiện đúng quy định.

## **7. Công tác huy động và duy trì sĩ số**

Tăng cường công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã đối với các cơ sở giáo dục trong việc huy động học sinh, học viên ra lớp, đặc biệt là các xã có tỷ lệ học sinh cấp THCS bỏ học hàng năm cao, nhằm duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn PCGD - XMC ở từng mức độ.

Đối với các trường chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo quy định cần huy động lực lượng sinh viên, cán bộ hưu trí, các hội viên, đoàn viên các hội, đoàn thể tham gia cùng với chính quyền địa phương và nhà trường hỗ trợ, tổ chức huy động và dạy các lớp XMC tại nơi cư trú.

## **8. Tổ chức phúc tra, hoàn thiện hồ sơ và kiểm tra, công nhận kết quả PCGD - XMC**

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch phúc tra, tổ chức phúc tra, phân công cán bộ, giáo viên từng cấp học phúc tra theo từng ấp, khóm, khu phố, tránh tình trạng bỏ sót hộ dân, đối tượng. Trong quá trình phúc tra, cập nhật đối tượng PCGD - XMC, thông tin về các đối tượng phải đảm bảo chính xác.

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu chỉ đạo việc phối hợp tốt giữa công an, tư pháp, y tế,... hỗ trợ ngành giáo dục trong việc cung cấp số liệu, xác minh đối tượng. Đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số yêu cầu thực hiện nghiêm túc việc điều tra, phúc tra, xác định đối tượng mù chữ và tái mù chữ, tránh bỏ sót đối tượng, không đúng hiện trạng về người mù chữ.

Tiếp tục triển khai cập nhật thông tin trên hệ thống thông tin quản lý dữ liệu PCGD - XMC đảm bảo về thời gian và độ chính xác nhằm phục vụ cho công tác đánh giá và xây dựng kế hoạch duy trì hằng năm; tiếp tục quan tâm đến việc quản lý, sắp xếp, cập nhật các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

Ban Chỉ đạo các cấp tham mưu tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả PCGD - XMC đối với từng cấp học theo quy định, xây dựng dự báo kết quả hàng năm (nhất là các xã vùng đặc biệt khó khăn), chỉ đạo các đơn vị tập trung các nguồn lực nhằm duy trì kết quả đạt chuẩn PCGD - XMC và nâng cao chất lượng ở các mức độ cao nhất.

### **9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, dạy nghề**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tăng cường điều kiện dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong nhà trường, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục.

Cùng với nguồn ngân sách của Nhà nước theo quy định, các cơ sở giáo dục chủ động huy động thêm các nguồn lực từ các tổ chức, cộng đồng để đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình, khuôn viên, cảnh quan sân trường.

Đối với các trường vùng đặc biệt khó khăn, tiếp tục kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm hỗ trợ sách giáo khoa, thiết bị, vật dụng học tập,... giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh nghèo và học sinh bán trú.

Huy động mọi lực lượng tham gia xây dựng xã hội học tập, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp,... thực hiện các chương trình học tập bồi dưỡng, phổ biến kiến thức, kỹ năng cho người lao động; thu hút sự ủng hộ về tài chính cho Trung tâm học tập cộng đồng. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

### **10. Tổ chức hội nghị, chế độ báo cáo**

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu tổ chức ít nhất 01 Hội nghị giao ban để đánh giá tình hình và triển khai thực hiện công tác PCGD - XMC trên địa bàn. Trong đó, chú trọng đến việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại, hạn chế, từ đó có kế hoạch tham mưu, chỉ đạo và triển khai các năm tiếp theo.

Các xã, phường, đặc khu hoàn thành tự kiểm tra, đánh giá, công nhận cấp xã chậm nhất ngày 25/11/2026; hoàn thiện hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận PCGD - XMC năm 2026 gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 02/12/2026 để tổng hợp (lưu ý: Hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo qua Văn phòng điện tử, không nhận văn bản giấy).

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các Đoàn kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD - XMC đối với các xã, phường, đặc khu trong tháng 12/2026.

### **11. Kinh phí thực hiện công tác PCGD - XMC**

Nguồn tài chính cho công tác PCGD - XMC được thực hiện tại Điều 24 của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và tại Điều 7 của Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT; nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia, nông thôn mới và nguồn huy động hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.



## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Ban Chỉ đạo PCGD - XMC tỉnh**

Tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, kế hoạch, chính sách phục vụ công tác PCGD - XMC; kiểm tra kỹ thuật, kiểm tra công nhận kết quả PCGD - XMC các đơn vị trong tỉnh.

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo thực hiện Đề án PCGD mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi; nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo về chuyên môn, xây dựng kế hoạch, tập huấn nghiệp vụ, tăng cường kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ. Hướng dẫn Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu thực hiện kế hoạch PCGD - XMC trên địa bàn.

Chỉ đạo UBND các xã, phường, đặc khu tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu được giao, thời gian hoàn thành công tác PCGD - XMC trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh, tuyên truyền, động viên nhân dân tích cực chủ động tham gia vào các hoạt động để thực hiện chương trình PCGD - XMC đạt mục tiêu và tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình, khen thưởng động viên kịp thời nhằm đẩy mạnh công tác PCGD - XMC ngày càng phát triển.

### **2. Đối với Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu**

Tiếp tục tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân về mục đích, vai trò, tầm quan trọng của PCGD - XMC và xây dựng xã hội học tập trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kiện toàn Ban Chỉ đạo và ban hành Kế hoạch thực hiện công tác PCGD - XMC ở các xã, phường, đặc khu năm 2026 cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; xây dựng chương trình hoạt động cụ thể của Ban Chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ PCGD - XMC và xây dựng xã hội học tập.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện công tác phúc tra, cập nhật số liệu trên hồ sơ và phần mềm quản lý PCGD - XMC, thống kê chính xác số trẻ từ 3 đến 5 tuổi, đối tượng trong độ tuổi phải PCGD tiểu học, PCGD THCS và PCGD THPT. Đảm bảo các số liệu PCGD - XMC thống nhất; thống nhất giữa phần mềm quản lý PCGD - XMC và hồ sơ PCGD - XMC, cập nhật đầy đủ minh chứng trên phần mềm, các minh chứng đảm bảo tính logic, chặt chẽ, có cơ sở pháp lý.

Phân công giáo viên kiêm nhiệm công tác PCGD - XMC phối hợp nhập liệu trên phần mềm quản lý PCGD - XMC, cập nhật hồ sơ sổ sách trên phần mềm đúng theo quy định; giáo viên giảng dạy các lớp PCGD - XMC; phân phối tài liệu, sách vở cho người học; chi trả và quản lý kinh phí cho người dạy theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và hướng dẫn của ngành.

Tổ chức học 02 buổi/ngày theo kế hoạch của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018. Huy động tối đa trẻ trong độ tuổi phổ cập đến trường. Có giải pháp tích cực duy trì tốt sĩ số, hạn chế lưu ban, bỏ học.

Có biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập (nhóm, lớp mẫu giáo ngoài công lập...).

Tăng cường công tác phúc tra, khảo sát nhu cầu học tập của người dân; phối hợp với các đoàn thể chính trị ở địa phương để vận động người dân tham gia học các lớp PCGD - XMC nhằm nâng cao tỷ lệ, chất lượng PCGD - XMC ở địa phương.

Phối hợp tốt với các đơn vị cơ sở giáo dục ở địa phương và ở địa phương khác trong việc xác nhận, cung cấp danh sách đối tượng PCGD - XMC đang học tại trường và đã hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, tiểu học và THCS.

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC tham mưu cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng Kế hoạch PCGD - XMC năm 2026 và năm tiếp theo, tổ chức thực hiện đạt chuẩn, giữ vững và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn hàng năm (tránh tình trạng tỷ lệ đạt chuẩn của năm sau thấp hơn năm trước); kiểm tra các hoạt động PCGD - XMC và tự kiểm tra các tiêu chuẩn theo quy định; hoàn thành các loại hồ sơ, đề nghị kiểm tra công nhận, công nhận lại theo quy định.

Ban Chỉ đạo PCGD - XMC các xã, phường, đặc khu thực hiện công tác PCGD - XMC theo các văn bản hướng dẫn sau: Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (tại Điều 17); Nghị định số 143/2025/NĐ-CP (tại Điều 4); Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT (tại khoản 13 Điều 18); Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT. Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn PCGD - XMC thực hiện theo khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác PCGD - XMC năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang, đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo PCGD - XMC tỉnh để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- BCĐ PCGD - XMC tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntttrng.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Nguyễn Thị Minh Thúy**

## CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-BCĐ ngày    tháng    năm 2026 của Ban Chỉ đạo  
Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh)

Thời gian	Nội dung công việc	Thực hiện
Tháng 01/2026	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện công tác PCGD - XMC ở các xã, phường, đặc khu năm 2025.	Sở GDĐT
Tháng 02/2026	Tham mưu tổ chức tổng kết công tác PCGD - XMC năm 2025.	Sở GDĐT
Tháng 3, 4/2026	Tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện công tác PCGD - XMC năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.	- BCĐ tỉnh - Sở GDĐT
Tháng 5, 6/2026	- Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác PCGD - XMC năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Hoàn thành cập nhật trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 5 - 6 tuổi; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.	- BCĐ tỉnh - UBND các xã, phường, đặc khu
Tháng 7, 8/2026	- Thông báo cho địa phương, cha mẹ học sinh thông tin về huy động trẻ đến trường. - Tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.	Cơ sở giáo dục
Tháng 9/2026	- Tổ chức phúc tra trình độ văn hóa từ 0 - 60 tuổi. - Cập nhật, hoàn thành hồ sơ, rà soát các tiêu chuẩn PCGD - XMC, cập nhật đối tượng trẻ đang học.	UBND các xã, phường, đặc khu
Tháng 10, 11/2026	- Hoàn thành việc nhập dữ liệu lên hệ thống phần mềm PCGD - XMC. - Các xã, phường, đặc khu hoàn thành tự kiểm tra, đánh giá, công nhận cấp xã chậm nhất ngày 25/11/2026.	UBND các xã, phường, đặc khu
Tháng 12/2026	- Nộp hồ sơ đề nghị tỉnh kiểm tra, công nhận PCGD - XMC năm 2026 chậm nhất ngày 02/12/2026. - Thành lập Đoàn kiểm tra, công nhận các xã, phường, đặc khu đạt chuẩn PCGD - XMC năm 2026.	- UBND các xã, phường, đặc khu - BCĐ tỉnh
Tháng 01, 02/2027	- Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện PCGD - XMC của các xã, phường, đặc khu và tỉnh năm 2026. - Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCGD - XMC năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác PCGD - XMC năm 2027. - Hoàn thành hồ sơ đề nghị Bộ GDĐT kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 hoặc XMC mức độ 2 nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định.	BCĐ tỉnh

## CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG MỞ LỚP XÓA MÙ CHỮ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BCĐ ngày tháng năm 2026 của Ban Chỉ đạo  
Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng độ tuổi 15 đến 60	Hiện trạng mù chữ đến cuối năm 2025				Chỉ tiêu huy động học viên ra lớp xóa mù chữ năm 2026		Phụ ghi
			Độ tuổi 15 đến 60				Số lượng	Tỷ lệ (%)	
			Mù chữ mức 1 (người)	Tỷ lệ (%)	Mù chữ mức 2 (người)	Tỷ lệ (%)			
1	Phường Bình Đức	45.441	1.647	3,62	2.616	5,76	52	1,99	
2	Phường Mỹ Thới	41.198	313	0,76	1.242	3,01	25	2,01	
3	Phường Long Xuyên	100.196	3.558	3,55	4.977	4,97	60	1,21	
4	Xã Mỹ Hòa Hưng	15.950	189	1,18	239	1,50	5	2,09	
5	Phường Châu Đốc	49.691	640	1,29	3.285	6,61	66	2,01	
6	Phường Vĩnh Tế	22.294	764	3,43	1.570	7,04	31	1,97	
7	Xã An Phú	26.912	799	2,97	2.096	7,79	42	2,00	
8	Xã Khánh Bình	21.908	953	4,35	1.979	9,03	40	2,02	
9	Xã Nhơn Hội	28.470	1.109	3,90	1.831	6,43	37	2,02	
10	Xã Phú Hữu	24.418	1.646	6,74	2.304	9,44	46	2,00	
11	Xã Vĩnh Hậu	29.755	717	2,41	2.011	6,76	40	1,99	
12	Phường Tân Châu	19.431	936	4,82	1.708	8,79	34	1,99	
13	Phường Long Phú	30.481	2.387	7,83	2.594	8,51	52	2,00	
14	Xã Vĩnh Xương	23.262	1.614	6,94	1.963	8,44	39	1,99	
15	Xã Tân An	25.271	637	2,52	1.863	7,37	37	1,99	
16	Xã Châu Phong	35.056	1.709	4,88	2.030	5,79	41	2,02	
17	Xã Phú Tân	40.279	1.250	3,10	2.670	6,63	53	1,99	
18	Xã Chợ Vàm	27.903	1.031	3,69	1.899	6,81	38	2,00	
19	Xã Phú Lâm	18.305	736	4,02	1.045	5,71	21	2,01	
20	Xã Hòa Lạc	17.492	529	3,02	1.514	8,66	30	1,98	
21	Xã Phú An	21.980	1.236	5,62	1.806	8,22	36	1,99	
22	Xã Bình Thạnh Đông	27.804	1.310	4,71	2.174	7,82	43	1,98	
23	Xã Châu Phú	34.806	915	2,63	1.371	3,94	27	1,97	
24	Xã Mỹ Đức	33.349	412	1,24	2.816	8,44	56	1,99	
25	Xã Vĩnh Thạnh Trung	34.806	1.358	3,90	2.723	7,82	54	1,98	
26	Xã Thạnh Mỹ Tây	35.987	1.779	4,94	3.183	8,84	64	2,01	
27	Xã Bình Mỹ	37.230	687	1,85	2.169	5,83	43	1,98	
28	Phường Thới Sơn	20.455	294	1,44	1.061	5,19	21	1,98	
29	Phường Chi Lăng	16.894	399	2,36	1.589	9,41	32	2,01	
30	Phường Tịnh Biên	20.733	545	2,63	1.615	7,79	32	1,98	
31	Xã An Cư	20.974	5.018	23,92	6.104	29,10	61	1,00	
32	Xã Núi Cấm	14.472	374	2,58	1.009	6,97	20	1,98	
33	Xã Tri Tôn	29.554	1.918	6,49	2.288	7,74	46	2,01	

34	Xã Ba Chúc	19.680	1.083	5,50	1.455	7,39	29	1,99	
STT	Đơn vị	Tổng độ tuổi 15 đến 60	Hiện trạng mù chữ đến cuối năm 2025				Chỉ tiêu huy động học viên ra lớp xóa mù chữ năm 2026		Phụ ghi
			Độ tuổi 15 đến 60						
			Mù chữ mức 1 (người)	Tỷ lệ (%)	Mù chữ mức 2 (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
35	Xã Vĩnh Gia	10.740	684	6,37	1.069	9,95	21	1,96	
36	Xã Ô Lâm	23.054	2.670	11,58	6.393	27,73	64	1,00	
37	Xã Cô Tô	17.299	556	3,21	1.028	5,94	21	2,04	
38	Xã An Châu	37.032	1.469	3,97	1.956	5,28	39	1,99	
39	Xã Cần Đăng	21.943	1.872	8,53	2.162	9,85	43	1,99	
40	Xã Vĩnh An	19.111	709	3,71	892	4,67	18	2,02	
41	Xã Bình Hòa	33.025	1.325	4,01	2.603	7,88	39	1,50	
42	Xã Vĩnh Hanh	17.616	293	1,66	1.652	9,38	33	2,00	
43	Xã Chợ Mới	41.442	2.517	6,07	2.709	6,54	54	1,99	
44	Xã Long Điền	40.379	1.463	3,62	1.700	4,21	34	2,00	
45	Xã Cù Lao Giêng	39.429	1.233	3,13	2.738	6,94	55	2,01	
46	Xã Nhơn Mỹ	51.628	1.648	3,19	2.001	3,88	40	2,00	
47	Xã Long Kiến	32.968	1.496	4,54	2.385	7,23	48	2,01	
48	Xã Hội An	45.786	2.356	5,15	2.553	5,58	51	2,00	
49	Xã Thoại Sơn	27.160	204	0,75	2.260	8,32	45	1,99	
50	Xã Phú Hòa	23.520	103	0,44	1.368	5,82	27	1,97	
51	Xã Óc Eo	21.386	440	2,06	961	4,49	19	1,98	
52	Xã Tây Phú	14.271	215	1,51	712	4,99	14	1,97	
53	Xã Vĩnh Trạch	19.095	97	0,51	1.665	8,72	33	1,98	
54	Xã Định Mỹ	23.106	115	0,50	1.024	4,43	20	1,95	
55	Phường Rạch Giá	127.617	1.981	1,55	4.279	3,35	51	1,19	
56	Phường Vĩnh Thông	28.350	575	2,03	2.041	7,20	41	2,01	
57	Phường Tô Châu	15.773	4	0,03	121	0,77	5	4,13	
58	Phường Hà Tiên	21.821	12	0,05	248	1,14	5	2,02	
59	Xã Tiên Hải	789	-	0,00	44	5,58	5	11,36	
60	Xã Kiên Lương	37.403	24	0,06	172	0,46	5	2,91	
61	Xã Hòa Điền	13.135	22	0,17	227	1,73	5	2,20	
62	Xã Vĩnh Điều	9.716	341	3,51	924	9,51	18	1,95	
63	Xã Giang Thành	11.432	248	2,17	614	5,37	12	1,95	
64	Xã Sơn Hải	1.255	27	2,15	60	4,78	5	8,33	
65	Xã Hòn Nghệ	1.201	8	0,67	46	3,83	5	10,87	
66	Xã Hòn Đất	31.048	482	1,55	1.824	5,87	36	1,97	
67	Xã Bình Sơn	9.163	2	0,02	583	6,36	12	2,06	
68	Xã Bình Giang	10.980	79	0,72	416	3,79	8	1,92	
69	Xã Sơn Kiên	15.717	102	0,65	737	4,69	15	2,04	
70	Xã Mỹ Thuận	28.591	91	0,32	1.602	5,60	32	2,00	

71	Xã Tân Hiệp	33.458	208	0,62	766	2,29	15	1,96	
STT	Đơn vị	Tổng độ tuổi 15 đến 60	Hiện trạng mù chữ đến cuối năm 2025				Chỉ tiêu huy động học viên ra lớp xóa mù chữ năm 2026		Phụ ghi
			Độ tuổi 15 đến 60						
			Mù chữ mức 1 (người)	Tỷ lệ (%)	Mù chữ mức 2 (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
72	Xã Tân Hội	26.752	280	1,05	663	2,48	13	1,96	
73	Xã Thạnh Đông	28.985	184	0,63	759	2,62	15	1,98	
74	Xã Châu Thành	45.166	95	0,21	186	0,41	5	2,69	
75	Xã Thạnh Lộc	35.243	73	0,21	298	0,85	6	2,01	
76	Xã Bình An	31.633	66	0,21	277	0,88	6	2,17	
77	Xã Giồng Riềng	38.961	787	2,02	1.418	3,64	28	1,97	
78	Xã Thạnh Hưng	23.859	320	1,34	400	1,68	8	2,00	
79	Xã Ngọc Chúc	21.123	308	1,46	461	2,18	9	1,95	
80	Xã Hòa Hưng	20.205	171	0,85	566	2,80	11	1,94	
81	Xã Long Thạnh	23.997	157	0,65	358	1,49	7	1,96	
82	Xã Hòa Thuận	16.939	3	0,02	697	4,11	14	2,01	
83	Xã Gò Quao	24.928	405	1,62	1.180	4,73	24	2,03	
84	Xã Định Hòa	29.688	760	2,56	1.326	4,47	27	2,04	
85	Xã Vĩnh Hòa Hưng	19.559	627	3,21	945	4,83	19	2,01	
86	Xã Vĩnh Tuy	20.094	341	1,70	895	4,45	18	2,01	
87	Xã An Biên	26.729	251	0,94	1.082	4,05	22	2,03	
88	Xã Tây Yên	25.607	296	1,16	894	3,49	18	2,01	
89	Xã Đông Thái	28.159	494	1,75	1.133	4,02	23	2,03	
90	Xã Vĩnh Hòa	26.126	454	1,74	531	2,03	11	2,07	
91	Xã An Minh	17.191	1.226	7,13	1.665	9,69	33	1,98	
92	Xã Đông Hòa	21.089	724	3,43	1.495	7,09	30	2,01	
93	Xã U Minh Thượng	19.858	321	1,62	773	3,89	15	1,94	
94	Xã Tân Thạnh	18.712	352	1,88	1.024	5,47	20	1,95	
95	Xã Đông Hưng	12.186	130	1,07	820	6,73	16	1,95	
96	Xã Vân Khánh	10.638	120	1,13	921	8,66	18	1,95	
97	Xã Vĩnh Phong	25.080	16	0,06	100	0,40	5	5,00	
98	Xã Vĩnh Bình	25.034	86	0,34	610	2,44	12	1,97	
99	Xã Vĩnh Thuận	17.678	-	0,00	-	0,00	0	0,00	
100	Đặc khu Phú Quốc	62.000	702	1,13	3.179	5,13	48	1,51	
101	Đặc khu Thổ Châu	782	1	0,13	2	0,26	0	0,00	
102	Đặc khu Kiên Hải	14.313	197	1,38	697	4,87	14	2,01	
Tổng		2.728.190	76.110	2,79	152.689	5,60	2.841	1,86	